

Số: **318** /QĐ-STNMT

Kon Tum, ngày **09** tháng **4** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính;

Xét đề nghị của Văn phòng Đăng ký đất đai tại Tờ trình số 478 /TTr – VPĐKĐĐ, ngày 09 /04 /2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 53 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp trên địa bàn huyện Sa Thầy (có danh sách kèm theo).

Lý do thu hồi Giấy chứng nhận: Thu hồi đưa vào lưu trữ cùng hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi thực hiện biến động đất đai.

Điều 2. Chánh Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Trung tâm CNTT TN&MT (đăng tin);
- Lưu: VT, VPĐKĐĐ.

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

A BYOT

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN QSD ĐẤT, QSH NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-STNMT, ngày / 04 / 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị kiểm tra: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum

Đơn vị thực hiện: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Sa Thầy

STT	Chủ sử dụng đất	Số phát hành GCN	Ngày cấp GCN	Vị trí đất	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Ghi chú
1	Hà Ngọc Xuân	T 884930	06/07/2001	Ya Xier	178; 316; 13; 10; 281	29; 28	6885	TC; KTV; ĐRM; 2 Lúa;	
2	Y Khuông	CH 205717 đến CH 205767	19/07/2017	Rờ Koi	67; 78; 79; 97; 109; 110; 127; 128; 136; 137; 138; 139; 140; 141; 142; 143; 144; 145; 158; 159; 160 ; 161; 162; 163; 165; 166; 168; 170; 179; 180; 181 182; 183 184; 187; 188; 190 191; 192; 193; 194; 195; 196; 197 ;199; 200; 213; 214; 215; 216; 217; 218	13	8371.1	LUK	
3	Trần Khắc Hải Nguyễn Thị Xuân Vị	AN 303635	28/10/2008	Ya Xier	13A	35	500	ONT NKH	
4	Nguyễn Xuân Dương Phạm Thị Hợp	CQ 915546	18/04/2019	Sa Nghĩa	404	48	2091.2	ONT HNK	